

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST

Ngày: 21-12-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đông Hà

2. Ông Hứa Văn Soi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 316/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Ấp X, xã VĐ, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Lê Hòa B, sinh năm: 1975. Vắng mặt

Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1978. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã VĐ, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chị T khởi kiện đề yêu cầu ông B và bà T trả số tiền đã vay, cụ thể như sau:

Vì là hàng xóm với nhau nên ngày 21/6/2020 chị cho vợ chồng ông B vay 60.000.000 đồng, khi vay có làm giấy tờ, vợ chồng ông B có ký tên vào biên nhận, thỏa Tận khi nào chị T cần thì vợ chồng ông B phải trả lại tiền đã mượn. Đầu năm 2022 chị T có liên hệ nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông B trả lại số tiền đã vay, nhưng vợ chồng ông B hứa hẹn trả mà không thực hiện kéo dài đến nay. Hiện nay vợ chồng ông B còn cố tình trốn tránh. Nay chị T khởi kiện yêu cầu ông B và bà T trả số tiền đã vay 60.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa chị T chỉ yêu cầu trả phần tiền vốn vay, phần tiền lãi trong giai đoạn xét xử chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn Lê Hòa B và Phạm Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham dự phiên họp, kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành ghi được lời khai của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu bị đơn Lê Hòa B và Phạm Thị T, địa chỉ ấp 3, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang trả số tiền đã vay theo biên nhận nợ, vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa của các bị đơn: Bị đơn Lê Hòa B và Phạm Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ và Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 21/6/2020 chị T có cho ông B và bà T vay 60.000.000 đồng, thỏa Tận khi nào cần thì chị T sẽ đòi lại. Đầu năm 2022 chị T yêu cầu vợ chồng ông B và bà T trả tiền thì vợ chồng bà T hứa hẹn nhưng không thực hiện, nên hai bên phát tranh chấp.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 60.000.000 đồng: Căn cứ vào biên nhận nợ gốc ngày 21/6/2020 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bị đơn Lê Hòa B và Phạm Thị T, Hội đồng xét xử xác nhận vợ chồng ông B có vay 60.00.000 đồng của chị Nguyễn Thị Ngọc T là đúng sự thật theo quy định tại Điều 92, Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết

sự kiện không cần chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án ông B và bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, xem như các bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy việc vợ chồng ông B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông B và bà T trả số tiền còn nợ 60.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu các bị đơn phải trả lãi suất chậm trả từ thời điểm cho vay đến thời điểm Tòa án xét xử, nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, 468, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T.

Buộc bị đơn Lê Hòa B và Phạm Thị T có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T số tiền đã vay còn nợ là 60.000.000<sup>d</sup> (*Sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải nộp 3.000.000<sup>d</sup> (*Ba triệu đồng*). Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000<sup>d</sup> (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002944 lập ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi Nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- CCTHADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

**Đào Thị Thủ**